



Tạp Ghi

Sao Mùa Xuân Lá Vẫn Rơi?

Thu Nga, K18/1

Tôi vừa quét lá vừa nhìn lên ba cây sồi (oak) cao ngất vừa ngẫm nghĩ, “Quái lạ! Mùa Xuân, chứ đâu phải mùa Thu mà lá rơi nhiều thế!” Mà đâu có là mùa Thu đi nữa, lá của chúng cũng không rụng vì nó xanh quanh năm, xanh bốn mùa. Tuy nhiên, nó lại rụng trái, gọi là acorn, thay cho không rụng lá. Trái sồi, to bằng đầu ngón tay, rụng đầy vườn. Bước ra sân là đập ngay lên trái, kêu lộp rộp. Vừa mới quét sạch sẽ xong hôm nay, ngày mai, trái lại rụng đầy. Một lần tôi đang lui cui hốt trái khô thì bị một trái rụng đúng đầu, trước khi rơi xuống đất. Tuy không đau, nhưng tôi giật mình. Tôi phì cười nhớ câu chuyện thiếu nhi của Mỹ, Chicken Licken. Một con gà đang dạo chơi trong rừng bị trái sồi rớt trúng đầu, tưởng là bầu trời đang rơi xuống, nên la báo hải “the sky is falling” (trời đang sập), và nghĩ phải đi tâu với nhà vua. Dọc đường hề gặp những bạn bè khác, nó đều kể lại câu chuyện bầu trời đang rớt.

Nhà tôi thì trồng toàn cây sồi. Những cây này khi mới trồng, cây nào, cây nấy nhỏ xíu, thân chỉ bằng ngón tay cái và cao khoảng nửa thước. Giá của mỗi cây chỉ mười hay hai chục đồng. Lúc đó tôi đâu có ngờ sẽ có ngày nó thành cây cổ thụ như thế này. Những tàng cây lớn, che kín mặt trời làm cho cỏ

chết hết vì không có ánh nắng. Thân cây bây giờ đã to bằng nửa vòng tay. Tôi không khỏi bồi hồi nhớ rằng thời gian trôi qua quá nhanh, từ khi chúng tôi trồng những cây này đến giờ đã gần hai mươi năm. Hai mươi năm cây non cũng trở thành già, huống chi con người.

Bây giờ là tháng Tư, trời tuy gọi là vào Xuân, nhưng khí hậu có ngày đã nóng như mùa Hè. Tôi ngồi xuống bờ thành của hồ cá, dùng cái vợt dài để hót những lá cây sồi rụng, trôi lều bều dày đặc trên mặt nước. Tôi chợt dừng tay khi nghe tiếng hát từ chiếc radio nhỏ, tôi mang ra để trên chiếc bàn đá gần đó để vừa nghe vừa làm sạch vườn, tôi ngăn người lòng chợt dâng lên một nỗi buồn man mác. Nỗi buồn này mỗi lần tới tháng Tư lại trở về ray rứt trong tâm tưởng.

“Sài Gòn ơi! Tôi đã mất người trong cuộc đời. Sài Gòn ơi! Thời đã hết thời gian tuyệt vời. Giờ còn đây những kỷ niệm sống trong tôi...”

Để chiếc vợt vớt lá bên cạnh và lắng nghe hết cả bản nhạc, sáng tác của Nam Lộc, qua tiếng ca của cố ca sĩ Ngọc Lan, tôi chợt thấy mắt mình cay cay. Tôi đã xa Sài Gòn hơn bốn mươi năm! Lúc tôi là Sài Gòn, tóc tôi còn xanh mượt, thế mà!...

Tháng năm chồng chết, kể từ khi bỏ nước ra đi, nhiều chuyện trong quá khứ đôi lúc cũng mù mờ trong ký ức. Tuy nhiên, cảnh tượng của mẹ con tôi lúc ấy, trước tin nhà tôi mới từ bên ngoài về báo *“có lẽ mình phải xuống tàu để đi, em lo chuẩn bị mọi thứ”* thì tôi lại nhớ rất rõ. Tôi ngần ngại chẳng hiểu *“chuẩn bị”* mọi thứ là chuẩn bị như thế nào. Tôi hỏi vọng theo, *“đi đâu?”* trong khi nhà tôi vừa đi vừa nói, *“cứ lên tàu hãy hay.”* Trước đó tôi cũng có nghe loáng thoáng gia đình người bạn cùng ngành truyền tin với nhà tôi, là ông S. đang ở ngoài bến Bạch Đằng chờ lên tàu.

Trước đây ông ở trung tâm điện ảnh Khánh Hội, nhưng sau đó, dời đi làm việc tại Đà Nẵng.

Tôi cảm thấy lúng túng, không biết phải làm cái gì trước,

cái gì sau. Với tâm trạng hoang mang, tôi đi gọi đầu. Có lẽ gọi đầu là hành động thông thường của người đàn bà khi chuẩn bị làm một việc gì quan trọng, sợ rằng những ngày tới không có thì giờ làm điều này. Tôi thay bộ quần áo khác rồi lại đi ra, đi vào. Hai đứa con trai lớn, đứa tám tuổi, Nhẫn, đứa bảy tuổi, Bình, đang nghỉ học vì trường đóng cửa, cũng cảm thấy có chuyện gì quan trọng đang xảy ra. Chúng vẫn ngồi im đọc sách chờ lệnh của mẹ. Đứa con gái thứ ba, bé Loan, gần bốn tuổi vẫn chạy sang nhà bà Trung Úy M. chơi với mấy đứa con gái gần bằng tuổi nó. Đôi bàn chân nhỏ xíu của nó bám chặt vào đôi dép nhật cũng nhỏ xíu, để khi chạy khỏi bị sút. Nếu có tiếng mẹ gọi giật lại, thường thường, nó làm bộ không nghe.



Cô em chồng, tên Hồng, học uốn tóc từ một trường dạy nghề, hôm nay cũng nghỉ. Cô đi theo tôi xuống bếp, hỏi cần gì để cô sắp đặt mang theo. Tôi và Hồng vào phòng trong, lôi trong tủ ra, mỗi người bộ quần áo, bỏ vào trong một cái bao tôi đã may sẵn như tay nải. Tôi đã bỏ vài bộ quần áo vào bao này trong chuyến đi hụt trước đây hai tuần. Lúc ấy tôi đi theo bà M. khi bà rủ chúng tôi cùng đi. Số là bà làm trong căn cứ của Mỹ, nên đã được lo giấy tờ để rời Việt Nam. Mấy mẹ con tôi và mẹ con của bà đã vào trong Tân Sơn Nhất, nhưng khi biết các ông không đi cùng một lượt được, bà và tôi quyết định quay về, vì cùng nghĩ như nhau, qua Mỹ làm gì nếu không có mấy ông chồng bên cạnh?! Bà M. mới sanh được một tháng, còn tôi cũng mới sanh cháu Thuận cũng mới hai tháng rưỡi. Do đó, những bọc quần áo cho mỗi người vẫn còn để ngay chân giường. Có vài bộ đã được lấy ra mặc, nên tôi bỏ thêm vài bộ

Công vợ và con vượt biên

mong mỏng vào.

Hai đứa con trai xoay lưng lại cho tôi cột tay nải lên lưng, thật chắc, bằng sợi dây vải, choàng từ lưng, ra trước bụng. Cô Hồng cố lấy thêm một bao ni lông để đem theo những thứ lặt vặt. Linh kính nhất có lẽ là vật dụng của thằng út Thuận. Nào là những hộp sữa bột, phải bỏ ké vào bao của Nhân; khăn, tả phải nhét thêm vào bao của Bình. Bé Loan cũng phải chia thêm chỗ trong bao với hai chai sữa. Tay nải của tôi thì nặng hơn với khăn lông, tã lót, bình thủy đựng nước sôi và những vật dụng cần thiết như thuốc men cho cả nhà. Nữ trang, tiền bạc, lớp bỏ trong bọc mang trên lưng, lớp bỏ trong ruột tượng, cột quanh bụng. Bọc của cô em chồng nặng cũng không kém. Nhà tôi cũng đã về và nói ông bà L. và ông bà T. cùng đi. Ông vừa nói vừa vác chiếc ba lô mà tôi đã dồn đủ mọi thứ, lên vai. Ông nhét khẩu súng lục vào bụng, dưới áo một cách cẩn thận. Ông luôn miệng hỏi mọi người lẹ lên, nếu không, tàu chạy mất.

Sửa soạn coi như đã đầy đủ, tôi chạy đến bên cửa sổ nhìn ra bên ngoài, trời đã gần trưa. Cư xá cả tuần nay có vẻ im lặng kỳ lạ. Nhà bà Trung Tá S. im lìm. Tôi không biết bà và mấy đứa con đi đâu? Ông trung tá ngày hôm qua tới nay cũng không thấy về. Căn trước mặt chúng tôi là nhà của ông bà Ch. Bà và hai đứa con cũng đã về gần khu Chợ Lớn ở với mẹ của bà, khi thấy tình hình chộn rộn trong thành phố. Nhìn xéo qua căn cuối cùng là nhà của ông bà Đại Úy Th. Tôi thấy hình như bà Th. đã chạy qua căn của bà M. Tôi nói với nhà tôi, “*để em chạy qua coi mấy bà kia ra sao?*” Ông nói không còn thì giờ, phải đi gấp kéo trẻ. Vừa lúc ấy bà Th. bước vào và nói với tôi ông bà M. không chịu đi và nói chờ gia đình từ Vũng Tàu lên thêm vài người nữa.

Mấy ông giục mấy bà và các con phải đi lẹ và hết sức cẩn thận, nếu không, lỡ có chuyện không hay xảy ra vì lúc này hỗn quân, hỗn quan mà mình phải đi ra khỏi cổng. Tuy nhiên khi xe đi ngang qua cổng, chúng tôi không thấy có lính canh như

thường lệ.

Gia đình chúng tôi chất bảy người lên một chiếc xe Honda. Bảy giờ nghỉ lại, không hiểu tại sao bảy người, gồm ba người lớn, bốn đứa con nít, trên lưng thì mang một bọc quần áo, lại có thể chất lên một chiếc xe Honda nhỏ xíu như vậy mà chạy một mạch ra bên tàu được? Gia đình ông bà Th. gồm hai người lớn, hai đứa con nít cũng chạy một chuyến. Chỉ có gia đình ông bà L. có tới năm đứa con, nên phải chạy hai chuyến. Bên góc tường thông ra đường, sát căn nhà của bà, trước đó bà L. đã đục một cái lỗ lớn đủ một người chun ra, chun vào, nên chuyến thứ hai, bà đi qua bằng ngã đó ra đường cho ông chạy về đón cho họ.

Lúc đó trên bãi cát, quang cảnh vô cùng hỗn độn, ồn ào. Xe Honda bỏ nằm la liệt, có cả xe hơi nữa. Chúng tôi được ông S. chỉ cho chiếc tàu sắp chạy, đang đậu dưới



Dân chúng Saigon di tản vào cuối tháng 4, 1975.

Anh Tuấn. Không nhớ, bằng cách nào, chúng tôi cả ba gia đình đã lên được trên tàu. Cảnh tượng trước mắt thật là chộn rộn, toàn người là người. Chúng tôi leo xuống hầm tàu bằng một chiếc thang dài, dựng đứng và ở đó với rất nhiều người.

Sau đó, đúng là “lênh đênh trên sóng nước mông mênh”, không thấy đâu là bến, đâu là bờ. Qua một trận mưa gió toi bời, mọi người hoàn hồn, đem áo quần, hình ảnh ra phơi. Thằng út Thuận như có trời nuôi, vì sữa chỉ được pha với nước lạnh. Ban đêm thỉnh thoảng nó tỉnh giấc, khóc lè nhè trên chiếc

võng, mà nhà tôi tìm cách móc tạm trên những cây cột sắt dưới lòng tàu. Người trên tàu Anh Tuấn được người chủ tử tế phát cơm nước đàng hoàng, dù hạn chế. Những người có tiền nhiều như gia đình bà L. thì mua được thêm bánh kẹo, sữa từ những người có chuẩn bị, mang theo dư giả. Còn gia đình bà Th. và chúng tôi thì được phát gì, ăn nấy.

Những ngày đầu, cả nhà bị say sóng, ói tới mặt xanh, mặt vàng. Chỉ có bé Loan, không bị say sóng, chạy lăng quăng theo cha lên xuống khoang. Khi nào cảm thấy khỏe khoản đôi chút, chúng tôi thay phiên nhau lên boong tàu, nhìn trời biển và hỏi nhau mình đi đâu? Những câu hỏi cứ lập đi lập lại, suy đoán lung tung. Sau bảy ngày, bảy đêm tàu ghé vào Subic Bay. Trước đó vài ngày, có tàu Mỹ tới, nhưng thấy chiếc tàu Anh Tuấn khá lớn, có thể tiếp tục chuyến hải hành, nên họ chỉ tiếp tế thức ăn, nước uống rồi để chiếc tàu chạy tiếp.

Tôi không nhớ rõ lắm những hình ảnh tại Subic Bay rời sang Guam, vì thời gian ở đây ngắn ngủi và di chuyển vào ban đêm. Cuối cùng gia đình chúng tôi được đón nhận vào trại tị nạn Fort Chaffee, Arkansas. Những ngày ở đây, trong ký ức tôi còn sót lại là những buổi xếp hàng đi lãnh cơm. Cơm gà hay cơm cá. Lúc đầu nghe nói có thịt gà, ai cũng sáng mắt vì nhớ tới miếng thịt gà luộc thơm phức ở Việt Nam. Thế nhưng tới hồi lãnh phần cơm gà đem về, tôi mới té ngựa vì gà vừa bở rịch vừa lạt nhách, bỏ bao nhiêu tương ớt vào cũng không thêm được mùi vị gì. Cơm trộn cá lại còn tệ hơn. Cơm thì nhão, cá thì lạt và tanh, cũng như cơm gà, đồ cả chai tương ớt cũng không tạo được một chút hương vị nào để ăn cho ngon. Nhiều người đã cố ý mang vài chai tương ớt về phòng làm của riêng. Chúng tôi không chờ lãnh cơm thì không biết phải làm gì cho hết ngày giờ, hơn nữa, nếu không có tiền đi mua thức ăn ngon ở trong các hàng quán, thì cũng phải ăn cơm tị nạn thôi. Hàng ngày có xe phát bánh ngọt và cà phê; lại có cả xi nê chiếu ngoài trời để bà con giải trí nữa. Có những cô ca sĩ nổi tiếng ở Sài Gòn cũng có mặt trong trại tị nạn, nên lại có

những buổi văn nghệ bỏ túi khá hấp dẫn.

Người ta khác nhau mùa Đông ở Mỹ lạnh lắm, nên mấy bà đang rồi rảnh, ngoài việc lãnh cơm, tán gẫu cho đỡ nhớ nhà, còn lấy mền được phát, cắt may áo lạnh, chuẩn bị nếu có người bảo lãnh ra nước ngoài thì cũng có sẵn áo ấm. Tại đây, chúng tôi gặp thêm nhiều bạn bè ở những nơi khác lần lượt, từng đợt được đưa vào trại tị nạn này.

Gia đình tôi và gia đình ông bà Th. tuy không ở chung một trại nhưng không cách xa nhau mấy. Bà Th. ốm thấy rõ vì nhớ thương đứa con lớn, tên H. Lúc ấy, cháu H. đang về chơi với bà ngoại, ông bà Th. không kịp mang theo vì phải chạy ra bến tàu với chúng tôi. Lúc đó, tinh thần người nào cũng căng thẳng khi nghe Việt Cộng đã vào tới Sài Gòn, phải chạy cho lẹ. Hơn nữa cả bọn chúng tôi đều nghĩ, chạy tránh pháo kích ở một hòn đảo nào đó vài ngày rồi trở về mà thôi. Cũng vì nghĩ như vậy, nên trước khi đi, tôi đưa tay khóa cánh cửa lại và còn xem lại các cửa sổ đã đóng chưa. Khi bà biết tàu phải chạy đến Philippines, rồi sang Mỹ thì hy vọng gặp lại con không còn nữa. Bà Th. khóc lóc, đau khổ. Những lúc nhớ con quá, bà đòi về lại Việt Nam. Thấy bà sứt sùi, ai cũng mũi lòng và không biết phải khuyên nhủ ra sao.

Đây là lúc có rất nhiều người cùng tâm trạng với bà Th., chạy loạn, bỏ lại bao nhiêu người thân yêu, bây giờ hoàn hồn mới quay quắt nhớ. Đó cũng là lúc mà những tên Việt Cộng nằm vùng đã đi theo đoàn người di tản, thừa cơ, tìm đủ mọi cách dụ dỗ những người này trở về lại Việt Nam. Hàng đêm những tên này, đi hết dãy nhà nọ, tới dãy nhà kia để kêu gọi, ghi tên. Trong số này có một người lính, không nhớ thuộc binh chủng nào, nhưng anh hay bận chiếc áo lính và chiếc quần kaki bạc màu thường tới thăm chúng tôi. Anh rất thương bé Loan vì anh nói nó giống con gái anh. Hàng như hàng ngày, anh cũng bé Loan trên lưng đi chờ xin bánh, kẹo. Nhiều lúc tới chơi, cả trại được thưởng thức tiếng ca thật buồn, thật ray rứt của anh khi bóng đêm bao trùm cảnh vật trong trại tị nạn: “*Rồi có một*

ngày, có một ngày chinh chiến tàn, anh trở về quê, trở về quê, tìm tuổi thơ mất năm nao...”

Khi anh hát, mắt anh long lanh ướt khiến ai nghe giọng ca nức nở của anh mắt cũng ướt theo. Thế rồi anh bị bọn người nằm vùng rù quên nhỏ to, anh và rất nhiều người đã trở về lại mảnh đất mà họ mới hót hải bỏ chạy bằng chiếc tàu Việt Nam Thương Tín. Không biết tánh mạng của mọi người trên chiếc tàu định mệnh đó ra sao? Giờ đây, không biết người lính năm xưa trôi giạt nơi nào, hay đã bị giết, bị chôn vùi đâu đó nơi chốn rừng sâu, hay trong lòng biển cả. Cộng Sản đã lừa dối không biết bao nhiêu lần, thế mà có người vẫn mắc bẫy.

Sau một thời gian không lâu lắm, gia đình chúng tôi, ông bà Th., ông bà L. tứ tán khắp nơi tùy theo địa điểm của người bảo lãnh cư ngụ. Chúng tôi về Texas. Cái xứ mà trước kia, khi còn ở Việt Nam đã nghe là thời tiết khủng khiếp, ngày nóng cháy thịt và đêm lạnh cắt da, vì là xứ sa mạc! Thực tế không đến nỗi như thế, chúng tôi đến vào mùa hè nên ngày nóng và đêm cũng nóng. Tuy nhiên, nhà có máy lạnh nên cũng không thấy gì là dễ sợ như tin đồn. Ông bà bảo lãnh của chúng tôi có vẻ khá giả, nhà cửa thơm mát. Bà vợ tên Rhoda, dạy tôi những món ăn Mỹ làm rất nhanh và lau chùi nền nhà làm sao cho bóng.

Bà dạy cho Hồng cách giặt áo quần (của họ) và xếp áo quần sao cho gọn. Tôi rửa chén, lay hoay với chén bát, song chảo làm cái bồn rửa chén bị trầy những lần ngang dọc màu đen. Tôi lo sợ không biết làm sao thì bà Rhoda cười bảo, đừng lo rồi bà dùng một loại bột trắng, rắc lên những chỗ trầy, rồi dùng miếng bọt biển chùi một loáng là màu men sạch, trắng bóng như mới. Bà cười tươi khi thấy vẻ mặt ngạc nhiên, thán phục của tôi. Bà nhìn vào cổ tôi thấy có mề đay bằng cảm thạch hình trái tim, bà khen đẹp. Tôi vội vàng cởi luôn cả sợi giây chuyền tặng cho bà, bà không từ chối, đeo ngay vào cổ và rồi rít cảm ơn. Nhà tôi thì được ông John dạy cho cách cắt cỏ, tĩa cây. Tuy nhiên sau khi nhà tôi đưa vài nhát kéo to, nặng

gần gãy tay, làm mấy lùm cây của ông trở thành hình thù quái dị, ông John trợn mắt và giật cái kéo lại. Từ đó tôi không thấy ông John kêu nhà tôi phụ làm vườn nữa.

Hàng tuần, chúng tôi đi theo gia đình ông bà bảo trợ đi nhà thờ Tin Lành. Điều này mới nghe thì thấy không có gì phải nói, đi nhà thờ thì cũng tốt thôi. Thế nhưng lúc mình mới qua, tiếng Mỹ nghe tiếng được, tiếng mất, trong đầu đang lo dịch câu này, thì họ đã nói sang mười câu khác. Vì thế nên khi ông mục sư giảng đạo, mình chẳng hiểu gì, chỉ thấy ai cười thì mình cười theo; ai gật gù cái đầu ra vẻ đồng ý, thì mình cũng làm y chang ra điều thông hiểu hết mọi sự.

Thế nhưng giả bộ được một hồi thôi là cơn buồn ngủ ào tới, con mắt chỉ muốn díp lại. Những cây đèn trần, cả cây đèn pha lê cũng trở thành mờ mờ ảo ảo. Cơn buồn ngủ hình như bò từ trong bụng bò ra, không cưỡng nổi. Tôi hé mắt nhìn sang thấy cái đầu của ông xã tôi quẹo qua bên phải, rồi giật mình ngồi thẳng nửa giây lại quẹo qua bên trái, thỉnh thoảng đầu chồm về phía trước thiếu điều đụng vào người ngồi trước mặt. Cứ thế, chúng tôi phải đi nhà thờ ít nhất hai lần mỗi tuần, sáng Chủ Nhật và chiều Thứ Tư. Mấy bà Mỹ trong nhà thờ ríu rít chuyện trò với ông bà John, có lẽ hỏi thăm về chúng tôi. Nhiều bà khuôn cả thùng áo quần cũ bảo đem về mà mặc. Khố nỉ, áo quần, dày dép gì cũng vừa to, vừa dài, chất đống nhưng không dùng được cái nào cả.

Ở với gia đình người bảo lãnh thứ nhất này vài tháng thì họ tìm ra một gia đình lãnh thứ hai cho chúng tôi, vì họ thỉnh thoảng cũng có đi nhà thờ ở đây. Họ có công ty mua nhà cũ, sửa sang bán lại. Bà Rhoda nói,

- “Như vậy họ sẽ có công ăn việc làm tốt với chúng tôi.”

Ông chồng tên Richie và vợ người Nhật tên là Sue. Ông bà Richie có hai đứa con, một trai, một gái, cũng phụ cha mẹ trong công việc sửa chữa nhà cửa. Lúc này, chúng tôi ở trong một trailer (một loại nhà nhỏ hơn mobile home), cách nhà

thờ không xa. Ông xã tôi được giao phó những việc nặng như khiêng gỗ, khiêng ngói lợp nhà. Ngói ở đây là những miếng làm bằng chất ni lông, chứ không giống ngói của Việt Nam, nhìn thì mỏng manh, nhưng khá nặng, nhất là khi khiêng lên thang đưa lên cho thợ của ông Richi lợp nhà. Công việc di chuyển lên chiếc thang cao không phải là chuyện dễ, vì cả đời ông chỉ ở trong quân đội mà lại cũng không phải thuộc loại khéo tay, handyman. Tôi nhìn ông hì hục leo lên chiếc thang cao nghệu, tay không ôm ngói, thì cũng vác gỗ, mà tội nghiệp và lo sợ ông rớt xuống lúc nào không hay. Còn tôi thì được đi theo bà Sue và cô Shirley, làm những công việc nhẹ nhàng hơn, như chùi sàn, lau dọn các phòng lại cho thơm mát.

Làm với ông bà một thời gian, ông Richie tìm được một căn nhà gỗ xinh xắn ở phía Bắc của Ft. Worth. Ông bán cho chúng tôi chín ngàn dollars, “down” (tiền thế chân) chỉ có một trăm. Chúng tôi vui mừng dọn vào căn nhà có ba phòng ngủ, cũng khá thơm mát.

Ông xã tôi tìm được công việc khác, nhưng việc nào ông cũng làm vài ngày là nghỉ vì những công việc này coi bộ không thích hợp với ông ấy chút nào. Trước tiên là nghề khiêng ống nước, ổng chê quá nặng. Tiếp theo là đi làm thợ mộc, chủ không vui, vì đóng cây đinh nào không gãy cũng quẹo. Một ngày, ông mục sư Wolf nói đã tìm cho nhà tôi được làm việc trong trường học rồi. Tưởng bở sẽ được đi phụ dạy học, té ra là làm nhân viên gác gian cho trường của những người bị điên điên, khùng khùng. Tuy nhiên, công việc cũng không đến nỗi nặng như thợ ổng sắt hay thợ mộc. Nhà tôi làm một thời gian, lại xin thêm được một chân làm việc trong chợ thực phẩm Buddies. Tức là ông làm hai “job”, làm xong công việc ở chợ, trong khu vực rau trái xong, ra xe ngủ một lát, rồi đi làm ở trường học cho tới sáng. Vì làm liên miên nên ông hay buồn ngủ, hễ có dịp là ông ngáy, bất cứ chỗ nào.

Còn tôi thì cũng ba chìm, bảy nổi. Thấy người ta ăn nê, làm ra vì may đồ ở nhà, người Việt gọi nôm na là “home sew”,

tôi cũng lán la làm quen với những người kinh nghiệm trong ngành này. Sau vài đợt là tôi phải dẹp vì tôi may chậm, lại hay may lộn màu. Thứ cả đêm để may, tới sáng, thấy sai tôi lại ngồi tháo. Ông xã tôi đi làm hai job, gần sáng mới về, thấy tôi ngồi tháo chỉ, ông phải phụ tháo tiếp. Đôi khi buồn ngủ quá, khi tháo không khéo, vải sẽ bị rách với đầu kéo nhọn và bén, vất vả vô cùng. Coi bộ không ổn với nghề "home sew", tôi xin làm thợ may màn cửa. Trải qua vài tiệm, thấy cũng chẳng hợp với mình. May quá, tôi tìm được một trường dạy nghề làm văn phòng. Học đâu được vài tháng, tôi kiếm được job keypunch trong một văn phòng bảo hiểm. Không lâu, văn phòng này đóng cửa, tôi may mắn tìm được việc làm trong nhà bank tại khu buôn bán của thành phố (downtown) Ft. Worth. Tôi làm việc luôn ở đó hai mươi tám năm, cho đến ngày bị thất nghiệp (laid off).

Người ta có nhiều câu cách ngôn, ví von về việc thời gian qua mau, nào là như *bóng câu qua cửa sổ*, nào là như *thoi đưa*. Nhưng câu mà tôi thấy đúng nhất là câu cách ngôn của Mỹ, "*thời gian như cuộn giấy vệ sinh (toilet), càng tới lõi, càng hết nhanh*". Nhớ lúc còn bé ở bậc tiểu học, tôi mong thời gian chạy nhanh để được làm cô giáo, được đứng trên bục gỗ, cầm phấn trắng viết những bài toán, những bài chánh tả lên bảng đen, dạy học trò. Tôi mong làm người lớn để được đeo những món nữ trang vàng chóc sang trọng như các cô, các bác trong xóm, cũng như rất nhiều ước mơ rất ngây ngô. Khi học ở bậc trung học, tôi mong thời gian chạy lẹ để mình lấy được bằng nọ, bằng kia, đi làm, kiếm tiền. Tới khi có gia đình, tôi mong con mau lớn, thành tài, lập gia đình để mình có cháu bông. Giờ đây, thoáng chớp mắt, *cuộn giấy cuộc đời* đã sắp cạn tới lõi, có dè xén cách mấy cũng thấy nó hết thật nhanh.

Sáng trưa rồi chiều tối. Hết Thứ Hai đến Thứ Sáu. Cuối tuần rồi đầu tuần. Xuân, Hạ, Thu, Đông nối tiếp liền liền. Soi gương, giật mình khi thấy nét thời gian đã ghi đậm trên mặt không phấn, kem nào có thể che dấu được. Người ta hay nói

thời gian là liều thuốc nhiệm màu hàn gắn bao nhiêu điều oan trái, nhưng thời gian cũng là tác giả của những nếp nhăn, là nguyên nhân khiến trái tim, lá phổi, tứ chi, và cả trí óc suy yếu. Thời gian là thủ phạm đã chong chất tuổi đời, bệnh hoạn, già nua lên thân thể con người; làm chúng ta chia cách với những người thân yêu. Tôi chợt nhớ đến ba tôi, mẹ tôi, anh tôi, những người đã ra thiên cổ mà tôi không gặp được từ lúc bỏ nước ra đi. Tôi lại ước ao, phải chi tôi có phép thần quay ngược lại kim đồng hồ để tôi có dịp thương yêu, săn sóc, gần gũi với những người thương nhiều hơn.

Tôi nhớ bàn tay của ba tôi thoăn thoắt cạy cọ, sơn lại những song sắt cửa sổ trong cư xá điện ảnh Khánh Hội khi vào thăm tôi. Những chiếc cửa sổ có song ngang, mở đóng bằng cách bật lên kéo xuống. Tôi đã đưa tay kéo xuống rồi buông màn cẩn thận trước khi làm một chuyến đi xa vì cứ tưởng sẽ có dịp trở về. Tôi cũng nhớ hình ảnh của ông công đưa cháu ngoại đầu tiên trên lưng, đi dạo khắp xóm để tôi có thì giờ lo cho đứa thứ hai. Tôi nhớ bàn tay mẹ tôi đong đưa chiếc nôi, ru đứa cháu khó tính, khóc nhè cả đêm. Lòng tôi nhói đau khi nhớ hình ảnh ốm yếu của mẹ băng ngang con đường dẫn vào khu cư xá sĩ quan ở Pleiku. Cứ vài tháng, mẹ lại mang áo quần, vật dụng, thức ăn lên cho con gái, con rể, và cháu ngoại.

Tôi để trí óc tôi đi xa hơn về quá khứ. Tôi thấy tôi và anh Quang đi bắt những con châu chấu, cào cào về cho sáo ăn. Tôi cũng thấy tay anh Quang rướm máu khi ngồi làm những chiếc đèn ngói sao bằng tre và lạt, vì lạt bén cắt vào ngón tay. Tôi đã có dịp đốt nến trong những chiếc lồng đèn này đi khắp xóm với tụi trẻ nhỏ cùng lứa trong đêm Trung Thu. Mắt tôi mờ lệ như người được mùi khói thơm từ đồng lá vàng được ba tôi gom lại thành một đồng nhỏ ở góc vườn, có nhiều cây ăn trái. Mẹ tôi đem quần áo phơi trên dây vào nhà vì trời đã tối. Tiếng anh tôi kêu vào nhà học làm toán. Gương mặt của anh nhoe đi tan lẫn vào gương mặt thằng Út. Mẹ tôi hay nói, “thằng Út Thuận rất giống cậu.”

Lần cuối cùng mạ vào nuôi tôi sanh thằng út là đầu tháng Hai năm bảy lăm. Một tháng sau, mạ về, tức là đầu tháng Ba. Không bao lâu miền Trung mất dần vào tay Việt Cộng. Tôi không còn được gặp ba, mạ, anh Quang. Tôi cũng không hề một lần gặp lại họ khi những người thân này đi vào lòng đất. *Nỗi ân hận làm cổ tôi nghẹn lại.*

Thằng Út Thuận nay đã 44 tuổi. Hai đứa con trai và đứa con gái nay đã vào tuổi trung niên. Bất giác tôi lại nhìn lên những cây sồi xanh cao chót vót và nhớ ra rằng cây non ngày nào, đã thành cây đại thụ chỉ qua hai mươi năm, huống chi con người đã qua gần bốn mươi năm.

Tôi chợt giật mình. À! Chỉ là những chiếc lá sồi bay xoẹt qua tóc tôi, rớt xuống hồ, làm đàn cá sợ hãi bơi tán loạn. Tôi dụi đôi mắt cay xè. Sao tôi ngồi đây mà nhớ toàn chuyện bên kia nửa vòng trái đất? Sao đã hơn bốn mươi năm qua mà thời gian không hàn gắn được vết thương lòng? Sao tìm tôi vẫn bồi hồi đau đớn?

“Sài Gòn ơi! Nắng vẫn còn vương trên đường. Đường ngày xưa mưa có ướt ngập lối người về. Rồi mùa thu lá còn đổ xuống công viên...”

Lại vài chiếc rụng! Ủa! Sao mùa Xuân lá vẫn rơi?



TIỂU ĐOÀN 4 THỦY QUÂN LỤC CHIẾN TRẬN ĐÁNH CUỐI CÙNG

MX. Trần-Ngọc-Toàn, K16

1. Địa thế:

Từ Huế đi ra Quảng Trị, vượt con sông Bồ, đến cây số 17 qua khỏi ấp Thượng An, bắt đầu một con dốc ngắn dẫn lên một dải địa hình cao hơn mặt nước biển 50 thước nổi dài đến quận Phong Điền và Mỹ Chánh tiếp giáp với tỉnh Quảng Trị về phía Bắc.



Phía Đông là quận Quảng Điền nổi ra sông Vĩnh Định và Phá Tam Giang. Phía Tây, thung lũng bình nguyên nổi dài dưới chân rặng núi Trường-Sơn với xóm làng và ruộng lúa dọc theo bờ Bắc con sông Bồ. Nơi đây vốn là quê của Tướng Việt Cộng Nguyễn Chí Thanh đã tử thương trong mặt khu miền Đông Nam Bộ vào đầu thập niên 1960. Con đường sắt từ Huế ra Quảng Trị chạy song song về phía Tây với Quốc Lộ I qua hai chiếc cầu bắt ngang sông Bồ. Chiếc cầu sắt được xây dựng từ hồi Pháp thuộc vẫn còn nguyên vẹn. Chiếc cầu trên QLI đã được Công Binh Hoa Kỳ thay tạm bằng cầu gỗ.

2. Phối trí quân:

Từ sau ngày Lữ Đoàn 3 Nhảy Dù được lệnh di chuyển vào Đà Nẵng, tháng 6 năm 1974; Lữ Đoàn 147 TQLC trách nhiệm trấn giữ mặt trận Phong Điền dọc theo tuyến QL1 ra Mỹ Chánh, Quảng Trị với Lữ Đoàn 1 Thiết Kỵ đóng tại căn cứ Hòa Mỹ.

Tiểu Đoàn 4 TQLC được tăng phái Tiểu Đoàn 130 Địa Phương Quân Huế trấn giữ phòng tuyến phía Tây sát chân rặng núi Trường Sơn với ngọn đồi 51 dôi ra thung-lũng đầy cỏ tranh, nối liền tuyến phòng thủ của TĐ7/ TQLC về phía Bắc và TĐ5/ TQLC ở phía Nam.

Một Pháo-Đội 155 ly của TQLC được bố trí tại Thượng An do một trung đội trừ bị của TĐ4/ TQLC bảo vệ. TĐ135/ ĐPQ được đưa ra chạm tuyến ngay giữa phòng tuyến của TQLC.

3. Tình hình quân VC:

Từ sau ngày ký kết Hiệp Định Paris năm 1974, với nguồn tiếp viện không ngừng của Liên Xô và Trung Cộng, Việt Cộng đã khai mở thêm tuyến đường xâm nhập, từ Bắc vào Nam, nằm ở phía Đông dãy Trường Sơn, với ám số 555B hoặc Trường-Sơn Đông, suốt từ Nghệ Tĩnh vào tận Kontum, Pleiku.

Lợi dụng sơ hở của Hiệp Định Paris, VC đã ngang nhiên chuyển quân lính và đại pháo cùng xe tăng ngày lẫn đêm vào Nam, ngay trước mắt của quân phòng vệ TQLC mà Ủy Ban Kiểm Soát Đình Chiến chỉ ghi nhận chiếu lệ.

Từ giữa năm 1974, suốt từ Mỹ Chánh vào sông Bồ, Huế, VC cho bọn Tập Kết 1954 và quân chính qui hàng đêm xâm nhập qua những khe hở của phòng tuyến TQLC vào ém dẫu quân ở Hải Lăng, Quảng Trị và Quảng Điền, Huế.

Nhiều toán xâm nhập đã bị TQLC phục kích tiêu diệt, hoặc bị mìn Claymore gài trên những lối mòn gây tổn thất.

Trung Đoàn Bình Trị Thiên của CS đã được thành lập để tạo cuộc nổi dậy ở địa phương, nhằm kết hợp với quân chính

quy từ Miền Bắc khi vượt tuyến sông Thạch Hãn xâm chiếm Miền Nam.

Các loại vũ khí cũng được chuyên tải vào những điểm “tập kết” từ đường Trường Sơn Đông và ngay cả mặt biển dưới dạng tàu đánh cá. Điển hình là chiếc tàu sắt chở vũ khí và lương khô của Trung Cộng đã bị Thiết Giáp của ta bắn chìm ngay cửa biển Mỹ Thủy, Quảng Trị, giữa năm 1974.

4. Diễn Tiến Trận Đánh:

Tiểu Đoàn 4 TQLC với 4 đại đội tác chiến và 1 Đại Đội Chỉ Huy & Hành Chánh bố trí TĐ130/ ĐPQ Huế tăng phái từ chóp cao độ phía Nam, giáp với xóm làng Thượng An Hạ dọc theo bờ Bắc sông Bồ men theo bờ núi cao chạy về phía Bắc, nhìn xuống thung lũng hẹp với ruộng lúa và cỏ tranh cao ngập đầu người lớn tiếp giáp vào tận chân núi Trường Sơn. Nối liền là ĐĐ 1 và ĐĐ2 bắt tay với Tiểu Đoàn 7 TQLC trên mạn Bắc. Đại Đội 4 làm trừ bị. Đại Đội 3 đóng quân bảo vệ Bộ Chỉ Huy Tiểu Đoàn ngay sát Quốc Lộ 1 phía sau với một trung đội tăng phái giữ an ninh cho Pháo Đội 155 ly của TQLC ở Thượng-An.

Ngày 11 tháng 3 năm 1975, Ban Mê Thuột bị thất thủ trước sức ép tấn công của 3 Sư Đoàn CS Bắc Việt.

Ngày 15 tháng 3 năm 1975, Trung Đoàn Bình Trị Thiên của CS mở cuộc tấn kích vào lúc 4 giờ sáng, qua phòng tuyến của TĐ4 TQLC.

Trước khi thọc mũi dùi lần chiếm ngọn Đồi 51, do một trung đội của ĐĐ2 trấn giữ với một tổ súng không giật 90 ly, xuyên tuyến phòng ngự của ĐĐ2, quân CSBV đã pháo kích hàng trăm quả đạn 100ly, 120ly, và 130ly lên suốt các cứ điểm của TĐ4/ TQLC.

Sơ khởi, Trung Đội do Thiếu Úy Sáng chỉ huy bị tràn ngập trên ngọn Đồi 51. Thiếu Úy Sáng tử thương tại mặt trận; Hạ Sĩ Nguyễn Văn Hồng, Tổ Trưởng Tổ SKZ 90ly hy sinh sau nhiều loạt súng chặn đứng đợt tấn công gây cho VC tổn thất

nặng nề. Tức thì, ngay sau đó, khi trời còn tối mịt, ĐĐ4 được điều động tiến lên, từ phía sau, tăng cường cho Đại Đội 2 để thu quân tiến chiếm lại ngọn Đồi 51.

Do quân số VC đã bị tổn thất nặng khi tiến chiếm cao điểm 51, từ mờ sáng ngày 16 tháng 3 năm 1975, ĐĐ2/TĐ4 TQLC đã tái chiếm cứ điểm chiến thuật 51 và lập lại phòng tuyến.

VC đã rút chạy vào núi bỏ lại hơn 10 xác chết và 60 vũ khí các loại. Trong số có 1 khẩu súng cối Trung Cộng 61 ly, B41, AK47 và 3 khẩu tiểu liên Tiệp Khắc K59. Loại súng này, mới xuất hiện trên chiến trường, là một loại tiểu liên nòng ngắn có thể thu nhỏ lại như một khẩu súng lục.

Cùng một lúc, với những phát đạn pháo kích mở đầu cuộc tấn kích, VC đã xách động dân chúng trong Quận Quảng Điền cùng với quân số chính quy xâm nhập cỡ Tiểu Đoàn đã bắc loa gây rối loạn phía sau trận tuyến ra về như một nỗi dấy của “dân chúng” Quảng Điền.

Tương tự, ở mặt trận phía Bắc Mỹ Chánh, tại Hải Lăng, Quảng Trị, chúng cũng dàn dựng một cuộc “nổi dậy” của dân chúng cùng một lúc với cuộc vượt tuyến tấn kích.

Rạng ngày 16 tháng 3 năm 1975, Sư Đoàn TQLC đã điều động Lữ Đoàn 369 phối hợp với Lữ Đoàn 1 Kỵ Binh tiến đánh vào cả hai mặt trận.

Lữ Đoàn TQLC đã bắt được 112 tù binh CSBV với quân phục quân chính quy và vũ khí.

Đặc biệt là 15 khẩu K59 còn mới tinh.

Đồng thời, trước khi nổ súng tấn công, đặc công VC đã ôm bụi cây khô thả trôi theo dòng sông Bồ, với chất nổ bọc trong bao nylon, định gài vào chân cầu sông Bồ để phá sập, nhưng chúng đã bị quân nhân thuộc một trung đội của ĐĐ3/ TĐ4/ TQLC tăng cường giữ cầu, bắn hạ.

Min nổ chỉ làm lệch nhẹ một vài nhịp cầu phía Nam. Xác của hai tên đặc công đã nổi lên sáng hôm sau ở Phong Điền.

Công Binh của Quân Đoàn I đã bắc ngay một nhịp cầu Bailey nối lại giao thông ngay ngày hôm sau là 16 tháng 3 năm 1975.

Kết quả về phía TĐ4/ TQLC tổn thất 7 chiến binh trong đó có Thiếu Úy Sáng và Hạ sĩ Hồng, vũ khí được bảo toàn.

Ngày 16 tháng 3 năm 1975, dân chúng từ Quảng Trị ùn ùn kéo nhau chạy về Huế, vừa đi bộ, vừa xe kéo tay, xe đạp thô khi được tin Lữ Đoàn 369 TQLC bàn giao vị trí đóng quân cho Liên Đoàn 15 Biệt Động Quân và Liên Đoàn Địa Phương Quân thuộc tỉnh Quảng Trị, rút về Đà Nẵng theo lệnh của Quân Đoàn.

Biến cố Cao Nguyên Trung Phần thất thủ và cuộc tái phối trí quân của Nhảy Dù và TQLC đã khiến cho mọi người chẳng còn quan tâm đến chiến thắng trong trận đánh cuối cùng của Tiểu Đoàn 4 TQLC.

Từ đó, TĐ4/ TQLC chỉ thi hành lệnh di tản bỏ Quảng Trị, Huế cho đến ngày 30 tháng 4 năm 1975 đầy tang thương và chua xót khi nghe lệnh “Buông Súng” của Cựu Đại Tướng Dương Văn Minh.

** MX. Trần-Ngọc-Toàn, K16 là Tiểu Đoàn Trưởng Tiểu Đoàn 4 TQLC (1973-1975)*





TẤM ÁO NGẬM NGÙI

Nguyễn Thị Sáng Trăng, K17/2

*Cảm tác kính tiền anh linh
chú Phạm Minh Tâm, Khóa 25*

Chú đi vĩnh biệt thế gian
Không màng một tấm áo quan thường tình
Quốc kỳ phủ xuống vinh danh
Tiễn đưa chú có chung quanh bạn bè,
Vợ con, huynh đệ bốn bề
Đồng môn cùng chú tuyên thệ Alpha.

*Tiễn đưa chú có vòng hoa
Những lời tưởng niệm thiết tha, chân thành
Mỗi người có một phước phần
Chú khiêm nhường sống, lặng thầm ra đi
Người quân nhân luyện lưu chi
Núi sông gầy gánh sá gì gổ thơm!*

Chú đi theo lẽ vô thường
Nơi đây còn lại tiếc thương bồi hồi
Ghép thành sáu mảnh ngậm ngùi
Tiễn đưa hồn chú thành thoi Cõi Trời



Ký Ước Còn Nhớ Mãi.

Võ Minh Hòa, 21

Định mệnh như đã an bài. Tháng Tư đen 1975 Việt Nam mang bao tai ương, ách nạn đổ ập xuống miền Nam Việt Nam. Bỗng chốc biến miền Nam Việt Nam thành con bệnh trầm kha, không thuốc chữa.

Dân chúng hoang mang vì tình hình chính trị lúc bấy giờ thật bấp bênh, quân sự thì đang đà xuống dốc một cách thê thảm, trong khi đó tin đồn Cộng quân hết chiếm tỉnh này sang thành phố khác làm mọi người lo sợ thêm. Ai nấy đôn đáo chạy vào phi trường, phóng ra bến tàu, tìm đủ mọi cách để thoát thân.

Dân tháo chạy lẫn vào quân, làm xáo trộn hàng ngũ quân đội. Rồi từng đơn vị rã dần, rã dần...

Cuối cùng ngày 30 tháng 4, ông Dương Văn Minh - Ông Tổng Thống bất hợp pháp - ra lệnh tất cả quân nhân bỏ súng đầu hàng. Thế là ta chấp nhận thua cuộc trong nỗi uất hận nghẹn ngào. Cộng Sản miền Bắc ùa quân vào cưỡng chiếm

miền Nam một cách dễ dàng. Bất chiến tự nhiên thành! Rồi từ đó, khúc quanh lịch sử của dân tộc Việt Nam bị đắm chìm trong khổ nhục, đau thương, u tối dưới ách kềm kẹp của Cộng Sản miền Bắc.

Trong khi đó, ông bạn đồng minh Hoa Kỳ ở tận bên kia Thái Bình Dương đã “*biết trước*” sắp tới ngày lâm chung của miền Nam Việt Nam nên đã chuẩn bị nhiều phương tiện để đón nhận người tị nạn, mà họ ước chừng con số rất đông, vì sợ cuộc trả thù đẫm máu của Cộng Sản miền Bắc với Dân, Quân, Cán, Chính của Việt Nam Cộng Hòa. Thật vậy, những hành động xâm lấn đầy bạo lực của đảng Cộng Sản quốc tế nói chung và Cộng sản Việt Nam nói riêng đã cho thấy Cộng Sản không góm tay giết người, thanh toán, chôn sống... miễn sao họ đạt được cái cứu cánh cuối cùng. Và nay Cộng Sản đã xích khóa miền Nam như đã làm ở miền Bắc.

Nói đến sự sụp đổ của Việt Nam Cộng Hòa, phải nói đến sự phản bội trắng trợn của đồng minh Hoa Kỳ vì đã quá sai lầm, khờ khạo, tin tưởng những gì Cộng Sản nói, đem bán đứng miền Nam Việt Nam như một con cờ thí trên bàn cờ chính trị quốc tế.

Hoa Kỳ đã tháo chạy bỏ mặc cho miền Nam VN đơn phương chiến đấu, trong cái gọi là “*Việt Nam hóa chiến tranh*”, đã đưa đến cái chết tức tưởi của miền Nam vì không đương đầu nổi với bom đạn, vũ khí tối tân... mà cả khối Cộng Sản đã viện trợ cho miền Bắc. Thế là “*tiền đồn chống Cộng*” bị sụp đổ, Nam Việt Nam đã bị nhuộm đỏ, lá cờ đỏ sao vàng được chúng dựng lên khắp nơi, ngay cả trên đỉnh Độc Lập. Thật tủi nhục thay!

Chính quyền Hoa Kỳ đã cho lệnh gấp rút dựng lên một trại tị nạn vĩ đại mang tên “New Life Refugee” ở đảo Guam, nằm gần lãnh thổ Phi Luật Tân. Đệ Thất Hạm Đội Hoa Kỳ cũng được lệnh đưa chiến hạm đến hải phận quốc tế sẵn sàng chờ đón người tị nạn. Rồi từng đợt người tị nạn đã được cứu vớt

đưa về trại “Refugee” một ngày một đông dần.

Toàn khu trại tị nạn rộng tới đâu không ai biết chính xác bằng con số. Người ta chỉ bàn với nhau là “rộng lắm”. Có đến hàng trăm cái lều vải được chia ra thành nhiều khu trên một vùng đất rộng mênh mông. Người ta lại đoán chừng, trước kia đây là một khu rừng thưa được Công Binh Mỹ ủi bằng phẳng để dựng lều. Thật vậy, các dấu tích còn để lại là những đồng cây bị đốn ngã đã được dọn lại nhiều nơi chung quanh hàng rào. Xa xa mọi người còn thấy những mảng đất cháy đen loang trên mặt đất. Lớp đất sét từ dưới sỏi lên vẫn còn màu trắng ngà, nhưng vì “phơi trần” lâu ngày dưới sức nóng thiêu đốt của đảo đã thành lớp cát bụi trắng vàng, phản chiếu ánh sáng mặt trời làm toàn khu vực vào buổi trưa nắng chiếu chói chang.

Cứ mỗi lần có cơn gió lốc ở biển thổi vào làm tung đám cát bụi, xoáy tròn ốc bay bay mịt mù như sa mạc cát. Đến khi cơn gió dịu đi thì bụi rơi bám đầy trên các mái lều, trên nóc các nhà cầu công cộng, trên mũ xe, và trên đầu tóc, quần áo của những người đang đi ngoài đường. Những người tị nạn hình như không quan tâm đến bụi bám đó, họ cứ bước đi trong gió cát, có thể vì *cát bụi trong tâm can của người tị nạn còn mờ mịt và bi đát hơn nhiều.*

Mỗi người một hoàn cảnh, một tâm trạng, một lo âu khác nhau. Người buồn vì xa cha mẹ, kẻ đau khổ vì thất lạc vợ con, lạc chồng. Có người tiếc nuối cho cái gia tài điền sản bỏ lại. Có người lo sợ mông lung cho một tương lai bấp bênh với hai bàn tay trắng biết làm gì để sống.

Những ngày đầu đến trại, lúc nào họ cũng cảm thấy bồn chồn, đứng ngồi không yên, cứ muốn bước ra khỏi lều để đi nhưng không biết đi đâu. Có người đi qua lều người bạn thăm hỏi vài ba tin tức ở Sài Gòn. Có người ghé qua hội Hồng Thập Tự để tra xét trong danh sách những người mới đến với hy vọng, dù là phần trăm nhỏ nhoi, may ra tìm được người quen.

Có người tạt qua phòng Thông Tin nhờ rao tìm người thân, biết đâu họ đã đến trại nhưng ở khác lều. Họ đi vội vã như địch đuổi đến chân, vẻ hốt hoảng vẫn còn trên nét mặt vì vẫn còn ấn tượng sâu đậm của những biển cố bẻ dâu vừa mới xảy ra ngày hôm qua.

Riêng các cụ già vì không đi xa được nên ngồi chồm hồm trước lều, tay chống cằm vẻ thiếu ngủ, miệng lâm râm khẩn vái cầu xin cho con cháu được bình yên, tìm cách tạm thời lánh xa vùng binh biến chờ ngày gặp lại gia đình.

Người ta thường nói, “Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ?” Cảnh vật trại cũng theo lòng người mà ủ rũ. Cái nắng Hè của đầu tháng Năm vào buổi trưa trên đảo thật oi bức. Nóng có thể lên đến cả trăm độ F (tương đương 37.8 độ C) nên ít ai ra đường vào buổi trưa, nhưng mà có nằm lại trong lều thì cũng nóng không kém chi bên ngoài. Tuy nhiên, nhiều người đã nghĩ, ở trong còn có lều che nắng và ghé bó để nằm. Nhưng chính cái ghé bó cũng có lúc nóng phồng lung! Thịnh thoảng vài cụ già muốn ngã lưng cho đỡ mệt vì “heat stroke” (say nắng), nhưng cũng không nằm lâu được, đành ngồi dậy ngáp ngắn, ngáp dài. Có người ngồi “chịu trận” trong lều vừa hút thuốc, vừa “hứng” nóng! Ai nẩy lim dim đôi mắt thiu thiu ngủ gà, ngủ gật.

Thế mới thấy tội cho hai người lính Mỹ gác cổng, họ đứng giữa trời với bộ đồ trận dày cộm. Một anh đang đứng tựa lưng vào bờ thành làm bằng những bao cát. Anh kia thì đi qua đi lại trước cái cổng làm đơn sơ bằng một thanh gỗ chắn ngang, có thể bật lên bật xuống như cái cổng xe lửa. Cả hai người như bị say nắng, thờ ơ đưa mắt quan sát sinh hoạt của người tị nạn bên trong. Thật ra, họ gác cổng cho có lệ để ngừa “nội bất xuất, ngoại bất nhập”, chứ có ai dám vượt ra ngoài vì biết đường đâu mà đi, hơn nữa chẳng may lạng quạng vào mấy bụi rậm đập nhằm “mìn Việt Cộng” gài bẫy thì toi mạng.

Cảnh vật và người đều đắm chìm trong nóng cháy. Toàn

trại trở nên vắng vẻ thiếu hẳn sinh khí tựa như một cánh rừng hoang dã, toàn những cây gai góc, chung quanh là sa mạc cát.

Bỗng...

Ngoài đầu cổng một chiếc xe bus quân đội từ xa lù lù tiến tới. Anh Quân Cảnh, nãy giờ vẫn đi qua đi lại, rời cổng tiến đến ra dấu cho xe bus dừng lại. Anh xét giấy tờ của người tài xế, rồi ra dấu cho anh Quân Cảnh kia nâng cổng lên, ngoắc tay cho phép chiếc xe bus chạy vào trại.

Xe bus vừa qua khỏi cổng gác một đoạn ngắn thì có người trông thấy la lớn:

- Có người đến... Xe bus chở người mới đến, bà con ơi!

Cái tin xe bus chở người mới đến lan thật nhanh. Những người ở lều gần đó chạy nhào tới chiếc xe bus. Còn những lều ở xa xa thì có nhiều cái đầu ló ra xem chuyện gì. Khi biết được có người mới đến đàn ông, đàn bà, và trẻ con ù té chạy đến nhập vào đám người trước đang vây quanh chiếc xe bus. Nhiều cụ già lật bết đặng sau thì vừa chạy vừa xuýt xao cầu khẩn:

- Trời ơi! Không biết có thằng Năm đi trên đó không? Lạy trời, lạy Phật cho nó thoát được. Nam mô A Di Đà Phật... Nam mô A Di Đà Phật!

- Lạy Chúa tôi, lạy mẹ Maria... Thật đội ơn trên ban hồng phước cứu rỗi cho con gái nó đến được bên này!

Có bà van vái đến cả vong linh:

- Ba mày có sống không thác thiêng phù hộ cho vợ chồng thằng Út được bình an mà tìm cách qua đây!

Không lúc nào Chúa, Phật, hay vong linh được nhắc đến để xin cứu rỗi nhiều bằng lúc này! Thường khi thì cả năm chẳng thấy ai đến viếng chùa lễ Phật, bỏ ít tiền vào thùng phước đức giúp đỡ ban hộ trì có tiền mua nhang đèn, cúng Phật và hương khói vong linh, giờ trong hoàn cảnh này mới nhớ đến để kêu van, cứu rỗi... Nhưng không riêng người tị nạn, mà toàn dân

Việt Nam đã thống thiết kêu gào, ”Thương Đế hỡi có thấu cho Việt Nam này! Nhiều sóng gió, nhiều đau thương, giặc lan tràn...”

Chiếc xe bus chở người mới đến đã làm mọi người tỉnh ngủ, sinh khí bỗng trở lại, trại tị nạn trở nên vô cùng sống động.

Chiếc xe giờ đã đông nghẹt người vây quanh, như con đê nhũn bị đàn kiến tấn công làm thụt. Xe đành đứng yên không di chuyển đi đâu được cả. Anh tài xế cũng thông cảm chỉ biết nhún vai và ngồi chờ. Từ hai dãy cửa sổ, hàng chục cái đầu ló nhỏ chồm ra ngoài coi có ai là người quen. Phía dưới xe, mọi người cũng dáo dác nhìn trên xem có người thân nào mới đến. Những cánh tay ở dưới cố vớ bắt tay những người trên xe để chúc mừng là họ đã thoát được đến đây, tai qua nạn khỏi. Ai ai cũng nhìn quanh trong đám đông cố nhận diện coi có người nào mình quen biết không? Nhưng hầu hết đều thất vọng. Bất chợt một anh kêu to lên, mừng rỡ:

- Ê, Bình. Tao Dũng nè... đây nè!

Thanh niên tên Bình nghe kêu thì nhìn quanh kịp thấy bàn tay đang vẫy. Anh ta chạy đến và nhận ra Dũng, thằng bạn cùng phi đoàn ở Cần Thơ. Nhưng đám đông người ló nhỏ ở phía trước làm Bình phải vất vả và mỗi một mới chen được vào bắt tay Dũng. Nói lớn tiếng cho át tiếng ồn ào của mọi người, Dũng hỏi thăm:

- Mà đến đây bữa nào? Có đi chung với vợ con không?

- Không! Đêm 29, Việt Cộng pháo kích vào phi trường quá mạng, tao không dọt ra ngoài được. Đến hôm sau mới kè “xe ôm” của thằng lính an ninh phi trường, về đến nhà thì gia đình đã đi hết cả rồi, không biết bây giờ ở đâu. Tao chỉ biết cầu nguyện cho vợ con được an toàn. Còn mà?

- Cũng đang cu ki như mày thôi (mỉm cười). Tao bảo con vợ tao cứ ở yên đó, chờ tao tìm phi cơ về rước mẹ con nó ra Phú Quốc. Nhưng trước đó, nó cứ nằng nặc đòi đem con về bên

ngoại, nên khi tao về chắc mẹ con nó chờ hoài không được nên ra đi từ hồi nào rồi. Tao tìm cách về Lái Thiêu quê vợ, nhưng cũng không thấy ai cả.

Đám đông vẫn ồn ào. Thấy nói chuyện không được nên Dũng kết thúc câu chuyện với Bình:

- Thôi, có gì gặp lại sau. Bữa nào gặp lại tao sẽ kể chuyện rui bu của mấy thằng xếp lớn của mình cho mày nghe!

Chưa kịp bắt tay nói lời từ giã thì đám đông đã chen vào tạo “bức màn sắt” chia đôi hai bên.

Một ông cụ già ngược mắt lên phía trên, chậm rãi nói:

- Mấy ông bà đi từ đâu vậy? Đi bằng tàu Hải Quân ở thương cảng, hay trực thăng đưa tạm đến đảo, rồi tàu Mỹ mới đưa đến đây?

Một người từ đám đông trả lời thay thế:

- Từ Sài Gòn, bác ạ.

Hai thanh niên ngồi sát cửa sổ này giờ không thấy một người nào quen cả, dù người đó chỉ quen biết nhau có một lần trong một dịp gặp nhau ở đâu đó. Đang chán nản thì hai anh nghe ông cụ hỏi, anh này nhìn anh kia rồi tiếu lâm nói đùa với bạn:

- Đầu tóc, râu ria mày lâu ngày không chải ngó lù xù quá, nên ông cụ hỏi mày đó. Chỉ có mày từ hoang đảo đến chứ còn ai nữa!

Ở phía sau, một thanh niên tay vịn thành cửa sổ, nhảy búng người lên vừa hỏi vừa la:

- Có anh nào là lính Biệt Động Quân? Cho em hỏi thăm một chút!

Một anh trên xe cú đầu, nhìn qua lỗ trống của đám đông, hướng về người vừa hỏi, hỏi lại:

- Anh muốn hỏi thăm ai vậy?

- Dạ, em muốn biết chú ruột của em là Thượng Sĩ Nghĩa, trước dạy trường Biệt Động Quân Rừng Núi Sinh Lầy Dục Mỹ. Anh có biết không, thưa anh?

- Thượng Sĩ Nghĩa... Tôi có biết lúc theo học Khóa 28 Rừng Núi Sinh Lầy. Sau này ra đơn vị tôi không gặp anh Nghĩa nữa. Tôi nghe nói anh về làm cận vệ ở Phủ Tổng Thống... Tôi không chắc lắm.

Sẵn luôn thể, anh dướn người lên xe hỏi thêm:

- Tôi có mấy thằng bạn đi Biệt Động Quân. Không biết có cùng tiểu đoàn với anh không?

- Tôi thuộc Tiểu Đoàn 42 BÐQ, người ta thường gọi “Cọp Ba Đầu Rắn”. Còn mấy ông bạn của anh ở tiểu đoàn nào?

Nghe cách nói chuyện của anh BÐQ trên xe thì anh ở dưới biết anh là sĩ quan, xếp loại ”ông thầy” của mấy thằng bạn mình, tụi nó là lính trơn, nên anh dướn xe lảng:

- Dạ, thôi cảm ơn ông anh nhe!

Có câu hỏi được trả lời, có khi không, nhưng không ai câu nệ mà hờn mát. Thật ra kẻ đến trước người đến sau, ai đã đến được đây là có phước lắm rồi. Số người tị nạn quá đông và đang còn ”trộn chầu” thì khó mà tìm gặp lại nhau được.

Có bà hỏi thăm bên này không thấy gì thêm, lại chạy qua bên kia hỏi tiếp. Hoạt cảnh y như đám trẻ bán mía ghim, thuốc lá hay món ăn thổ sản, mỗi lần có xe đồ tấp bển là chúng tranh nhau mời mua thật ồn ào, giành giật và xô lấn nhau. Đám người tị nạn cũng muốn thế, tranh nhau cho được đứng gần xe bus để thấy rõ ở trên và dễ dàng hỏi thăm. Rồi những câu hỏi, những câu trả lời, những câu chào đón cứ ồn ào chung quanh xe, khó khăn lắm mới nghe nhau được vì cả hai bên xe đều ồn như: “giặc”.

Một người đàn bà với tay đưa cho bà cụ trên xe, ngồi gần đó, một trái cam vừa mang về từ nhà ăn, bà cụ mừng lắm và cảm ơn rồi rít. Lúc này một trái cam, một quả táo, hay một

miếng bánh ngọt đối với người mới đến thật là quý giá vô cùng. “Buồn ngủ mà gặp chiều manh” vì họ đang mệt mỏi và đói lắm rồi. Một người đàn ông đứng gần đó đang cầm trái táo thấy vậy cũng vội đưa cho đứa bé gái đang ngồi trong lòng mẹ gần cửa sổ. Đứa bé chụp ngay lấy đưa vào miệng cắn một ngoạm lớn, nhai nhóp nhép ngon lành. Chị thiếu phụ, mẹ đứa bé, mỉm cười gật đầu tỏ vẻ cảm ơn. Gã đàn ông thấy có chi là ơn nghĩa, nên đành lảng hỏi thăm xã giao:

- Chị đi với gia đình, hay chỉ có hai mẹ con?

- Tôi đi một mình, ông xã không về kịp. Anh ấy là trung úy Thiết Giáp đóng ở Đà Nẵng, mẹ con tôi thì ở Sài Gòn. Tôi thấy mọi người bỏ chạy hết, tôi cũng ãm con chạy theo đám đông và cứ thế... (nhún vai) mà lọt qua tới bên này! Tôi cũng chưa biết đây là đâu nữa (mỉm cười)!

Chị thiếu phụ buồn buồn nói tiếp:

- Kê, tới đâu cũng được... từ từ rồi kiếm ảnh sau.

Gã đàn ông thông cảm nên phân trần:

- Tôi cũng như chị vậy, đã thất lạc vợ con. Tôi cũng không biết giờ mẹ con họ ở đâu?

Anh tài xế xe bus thấy đã lâu quá rồi mà cứ thế này thì sẽ trễ hết công chuyện, nên nói lớn:

- Everybody, get out of here... Go, go, let... me go!

Nói xong, anh ta nhóm xe tới trước, ý dọa mọi người tránh ra, nhưng dừng lại vì sợ có người đứng trước mũi xe. Đám đông tản ra, thấy xe dừng lại nên nhào vào hỏi thăm tiếp, như đàn ruồi bị hút duỗi thì bay tản ra thấy yên lại bu vào tán công. Anh tài xế lại nhóm xe tới trước, lần này chạy thêm một đoạn xa hơn, thấy đủ an toàn nên anh ta nhấn thêm gas vọt xe trốn chạy. Bánh xe rít trên đường tung về sau cát bụi mịt mù, thêm khói xe thả ra đen ngịt che phủ mọi người. Đám đông tay che mắt, tay vẫy vẫy chào tạm biệt, nhưng lòng vẫn tiếc nuối vì chưa được hỏi cận kẽ. Họ biết người đến sau thì “update”

hơn người đến trước, chắc họ biết tin tức mới nhất về Sài Gòn, nhưng biết họ ở lều nào mà đến hỏi thăm.

Tất cả tan hàng. Mọi người rầu rầu lặng lẽ trở về lều, ngồi chờ xe bus khác đến!

Vài ba thanh niên đứng nán lại, mời nhau điều thuốc làm quen, và trao đổi vài nguồn tin mới nhất vừa nghe được, điệu bộ có vẻ “serious” lắm. Một trong số đó có cái radio nhỏ, anh mời mọi người cùng đến ngồi (ngồi chồm hồm như Việt Cộng rồi) nghe tin tức đài BBC. Khổ nỗi cái radio này lúc thì nghe rõ, lúc tiếng được, tiếng mất kêu rè rè. Họ cố chỉnh cho đúng băng tần, hoặc xoay hướng radio đến khi nào nghe rõ hơn. Nhưng cứ mỗi lần đài sắp loan tin quan trọng về một biến cố xảy ra ở Saigon, thì cái radio quý quái này lại trở chứng rè lên thật to, làm mọi người nhói cả tai.

Anh “chủ” cái radio chỉnh hoài không được nên nổi giận cứ muốn đập nát vứt nó đi cho rồi. Một người khác ngăn cản anh ta, cho rằng dẫu sao lúc này cái radio nhỏ đó vẫn là một “tài sản” quý giá vô cùng, không nên vất đi, uổng lắm! Anh ta lại ngó ngoai, bàn tán tiếp qua tin tức đã nghe được về tình hình Sài Gòn. Họ bàn đoán xem tình hình tới đâu, có sáng sủa hơn không, có tia hy vọng nào ló dạng ở cuối đường hầm?! Thỉnh thoảng có người cho ra một tin tức “mới” sốt dẻo nếu nghe cũng có lý thì mọi người dễ dàng chấp nhận nguồn tin đó như là “nguồn tin chính thức” đáng tin cậy! Thật ra có ai biết chắc chắn đâu và ai kiểm chứng được là đúng hay sai.

Họ tranh nhau kể những câu chuyện đầy đau thương, đầy thảm kịch của đoạn đường chạy giặc của mình, hay của người khác mà chính họ mắt thấy tai nghe. Toàn là cảnh tượng thương tâm, đau xót, thâm thảm. Bao nhiêu người nằm chết dọc đường, chẳng khác nào con vật sinh thú bị vất ra ngoài. Hình ảnh một đứa bé chui rút, ngậm vú mẹ, trong khi cả người của người mẹ bê bết máu và đã chết từ lâu, thấy thật đau lòng, xót dạ. Chiến tranh chi mà tàn nhẫn thế và cuộc chiến nào trên trái

đất này cũng đều có máu đổ thịt rơi. Nhưng con người không bao giờ chịu ngừng chiến tranh, coi đó như là bản năng tự nhiên phải chiến đấu để sinh tồn.

Thông, tên người đàn ông khi này đưa cho đứa bé trái táo cũng tan hàng theo đám đông. Chàng thấy xót xa trong lòng, mang một nỗi buồn man mác. Không biết giờ này Tâm, vợ chàng và đứa con trai đầu lòng, tên Minh, ở đâu? Có được bình an không? Chàng đâm ra hồi tiếc. Nếu biết tình thế như thế này chàng sẽ không để vợ con về Sài Gòn, mà giữ lại bên cạnh chàng, cùng chịu gian truân nguy hiểm mà lúc nào cũng “chồng đâu vợ đó”. Nhưng lúc đó, chàng suy nghĩ, sợ Tâm và con không chịu nổi sanh bệnh. Tâm thì cả đời chưa biết cực khổ, còn con thì nhỏ quá nên Thông lại quyết định cho giữ hai mẹ con ở Sài Gòn còn chàng thì trở lại đơn vị chiến đấu và hứa hẹn “mai anh sẽ về.”

Thông cứ mang cái mặc cảm là đã không lo tròn bổn phận cho vợ, cho con. Nhưng xét cho cùng thì Thông không nên nghĩ tệ cho mình như vậy, vì chàng đã làm tròn bổn phận của một người lính chiến, một cấp chỉ huy đã quyết định ở lại chiến đấu với anh em, đồng đội. Lương tâm không cho phép chàng bỏ rơi thuộc cấp, mà hèn nhát trốn chạy để đi tìm an toàn cho riêng mình. Họ là những người lính cần cù chịu đựng bao gian khổ, ngày đêm chiến đấu mà không hề than thở. Họ đặt tin tưởng vào cấp chỉ huy và tuân theo lệnh cấp trên một cách tuyệt đối ngoài chiến trường. Chí ít, họ lo từng cái “ấm no đói lạnh” cho đơn vị trưởng và kính phục gọi “xếp” của mình bằng hai chữ “ông thầy”. Chàng không thể phản bội họ được.

Đến ngày 30 tháng Tư, trong đơn vị của Thông đã có một số người bỏ đi trốn, còn những người ở lại thì ai nấy hoang mang, phân vân ngòai chờ lệnh “xếp” cho họ giải tán, hay tiếp tục chiến đấu. Thông nghĩ, nếu tiếp tục chiến đấu thì chỉ khổ thêm cho lính mà thôi. Họ đã quá gian khổ đừng bắt họ chịu đựng thêm nữa. Họ là những chiến sĩ vô danh, có chiến thắng

cũng không ai biết đến tên để vinh danh, hay khen thưởng. Đến lúc hy sinh vì Tổ Quốc, cũng không ai quan tâm đến để phủ cho quan tài của họ lá “cờ vàng ba sọc đỏ”, mặc dù Thông biết rằng nếu chuyện không may xảy ra, họ sẽ sung sướng ngậm cười dưới lòng đất lạnh khi đã được nằm dưới lá cờ vàng, lá cờ mà họ đã hy sinh xương máu để giữ gìn với hàng chữ “Tổ Quốc Ghi Ôn”. Còn tan hàng thì nhục nhã quá!

Nhưng... cuối cùng Dương Văn Minh đã ra lệnh kêu gọi tất cả quân nhân phải buông súng đầu hàng. Đến đây thì không còn gì để chọn lựa nữa. Thông cho gọi anh em tập hợp lại, ngậm ngùi nói vài lời và cho mọi người giải tán, mạnh đường ai nấy đi! Cả thầy trò đều nước mắt lưng tròng ôm nhau khóc mà không nói được nên lời. Họ chào nhau theo cung cách nhà binh, nói lời từ biệt ngậm ngùi cho lần chia tay đau buồn này. Biết đến bao giờ mới gặp lại nhau? Mỗi người tự chọn một con đường. Rồi họ lặng lẽ bước ra đi. Từ nay mãi mãi họ không còn là người lính chiến nữa. Thông đứng nhìn theo họ mà lòng se thắt. Tôi nghiệp quá! Cả đời hy sinh cho quốc gia để rồi giờ phút cuối cùng cũng không được gì hết.

Thông sau đó cũng đôn đáo tìm mọi cách để về Sài Gòn, nơi đây bây giờ quá hỗn độn, người người tứ tán đạp lên nhau mà chạy.

Thông càng bị bí lối và đành chịu thua, chấp nhận thất lạc vợ con. Trước ngã ba đường, đi hay ở lại, cố tìm cho được vợ con? Chàng cuối cùng quyết định ra đi vì thời gian không cho phép nữa. Thông suy nghĩ, nếu ở lại và bị bắt thì chắc chắn sẽ bị trả thù, mạng sống của mình như cá nằm trên thớt, chỉ để lụy cho vợ con mà thôi. Chàng ra đi với tâm trạng một người lữ khách cô đơn! Nào biết sẽ phiêu dạt về đâu?

Nhưng rồi cứ cuốn theo dòng người. Con đường nào an toàn, người ta đi thì chàng cũng theo đó mà đi!

Cuối cùng chàng và số đông người được đưa đến Philippines. Họ được các hội thiện nguyện ra đón và giúp làm thủ tục nhập

trại. Một đơn vị lính Mỹ, được bổ sung để giữ trật tự ở đây, có lệnh riêng cho những ai là quân nhân thì tách qua đường khác. Họ bị buộc phải cởi bỏ hết đồ nhà binh thay bằng quần áo dân sự mới được cho vào trại. Có lẽ giới chức ở đây muốn tránh kiêu binh của nhiều thứ lính, dễ sinh bè, sinh nhóm, dễ làm loạn. Thông được phát cho một áo Hawaii, bông hoa lòe loẹt, rộng thùng thình và chiếc quần “sọt” nỉ, mà sau này chàng mới biết là quần của những anh chơi baseball. Quần cũng rộng quá size nên phải kiểm dây cột chặt lại mới khỏi bị tuột, kéo lộ cái “quí giá” mà trời ban cho, và đã được căn dặn thật kỹ là “ngươi đâu của đó”, đừng để người khác ăn cắp mất mà tiêu đời trai!!

Thông và nhóm người cùng đợt được thả xuống trước cái lều vải khá rộng và cho biết đây là nơi tạm trú. Thôi cũng được, thế là tốt quá rồi. Phải an cư mới lập nghiệp, nên mọi người “hoan hỉ” chấp nhận. Thế là ngày lại ngày, Thông sớt ruột trông ngóng tìm vợ con, chờ từng chiếc xe bus chở người mới đến, với đầy hy vọng sẽ gặp lại mẹ con Tâm. Nhưng nhiều chuyến xe bus đã đến mà cả hai mẹ con vẫn biệt vô tung tích. Rồi những lần sau nữa, khi xe bus đến chàng cũng theo đoàn người kéo đến, nhưng niềm hy vọng đã giảm đi. Chỉ nhìn lướt qua không thấy bóng dáng Tâm và Minh là chàng thở dài, rồi bỏ đi. Cứ càng hy vọng bao nhiêu thì sự thật càng phủ phàng bấy nhiêu.

Niềm hy vọng cứ lụi tàn theo số lần xe bus chở người đến. Đã hơn tháng rồi, người tị nạn đến trại cũng khá đông mà chàng không thấy Tâm và Minh đâu cả. Bây giờ thì chàng không còn háo hức hy vọng nữa, vì nếu mẹ con nàng đã đi được thì đã đến đây rồi.

(Tiếp theo)

Trích trong: “TÔI CÒN NHỚ MÃI” của Võ Minh Hòa”.